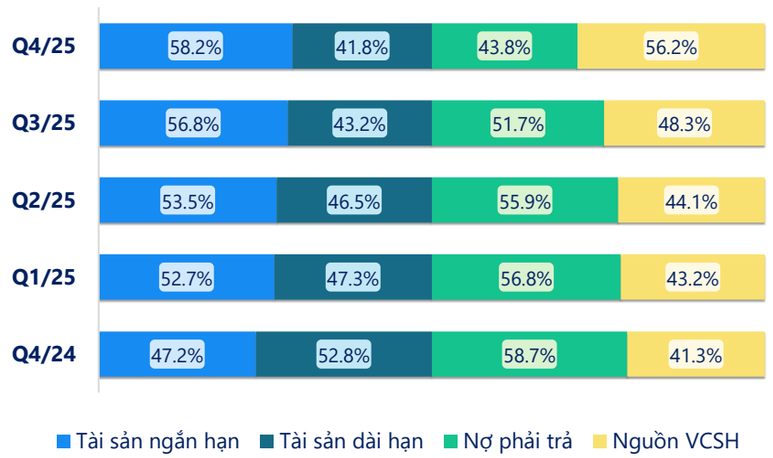
FireAnt

Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP (HNX: KSV)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	98,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	296,794
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	88,800
SL cổ phiếu LH	200,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	72,935
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	19,760
P/E	9.8
EPS	10,115

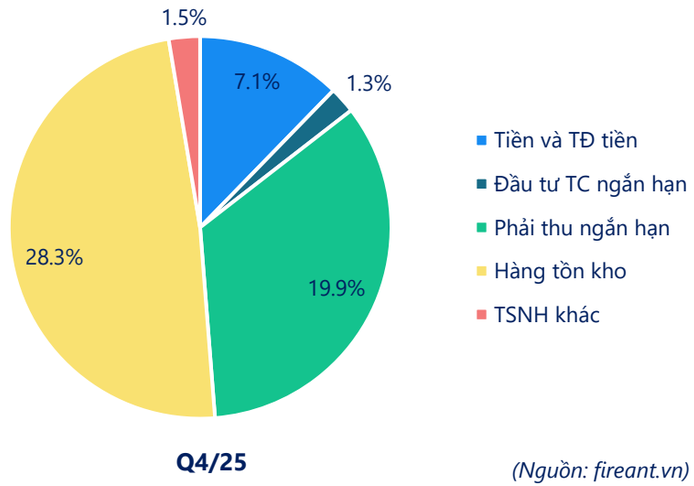
	YTD	1T	3T	6T
KSV	-2.4%	-22.9%	-32.2%	-39.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



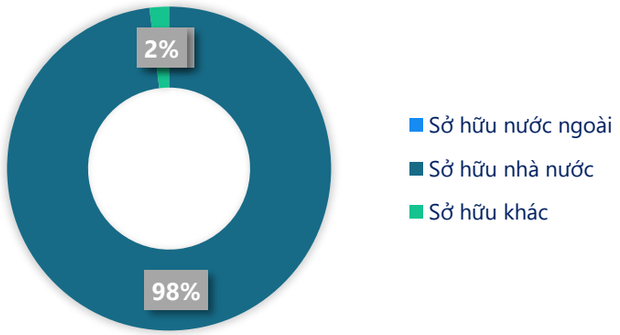
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



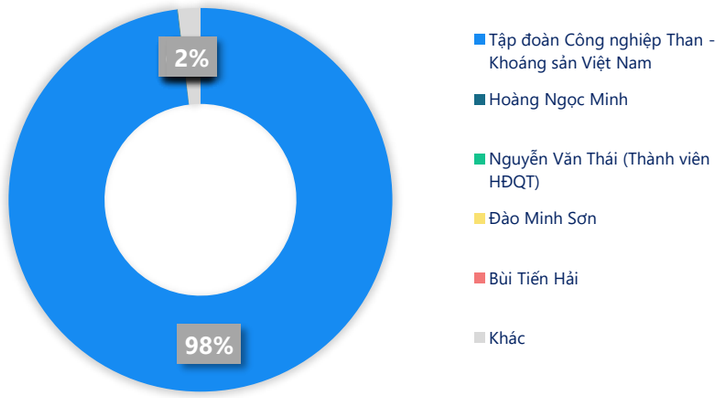
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



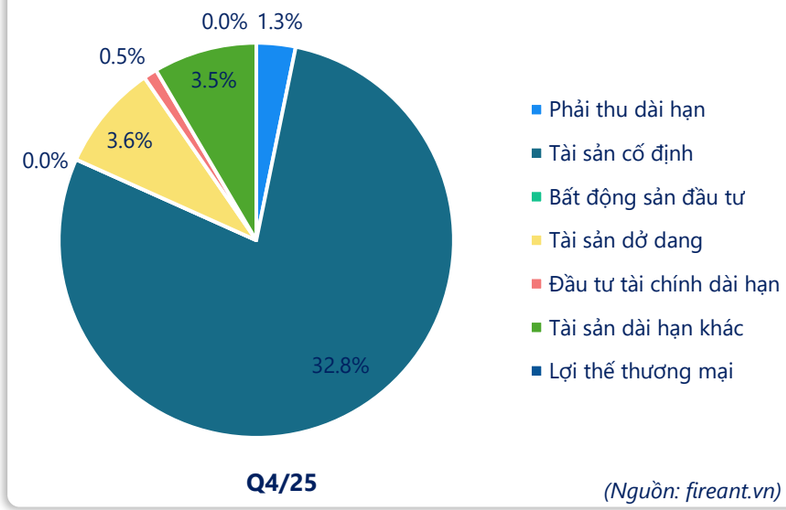
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

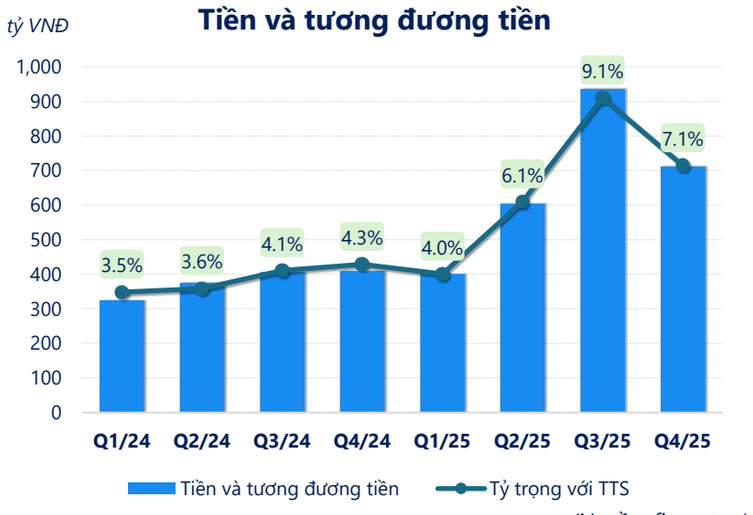


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

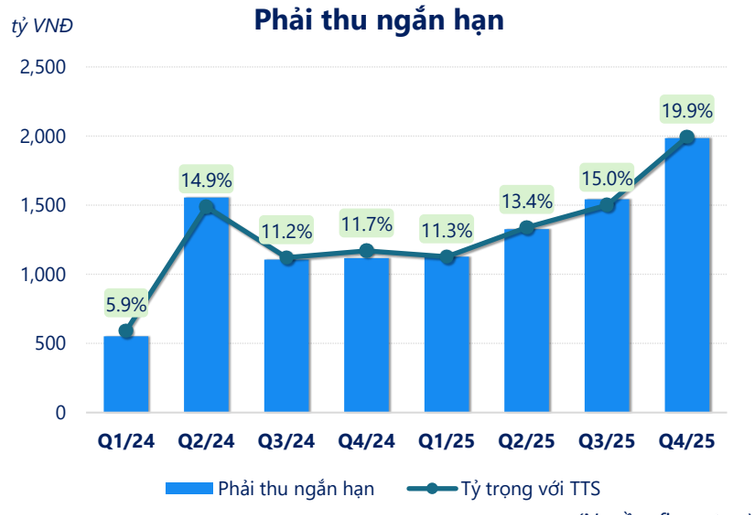
Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP (HNX: KSV)

Tiền và tương đương tiền



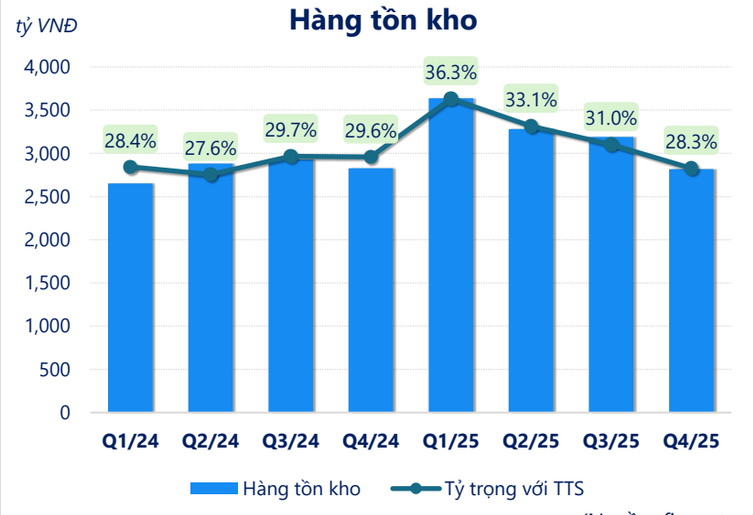
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



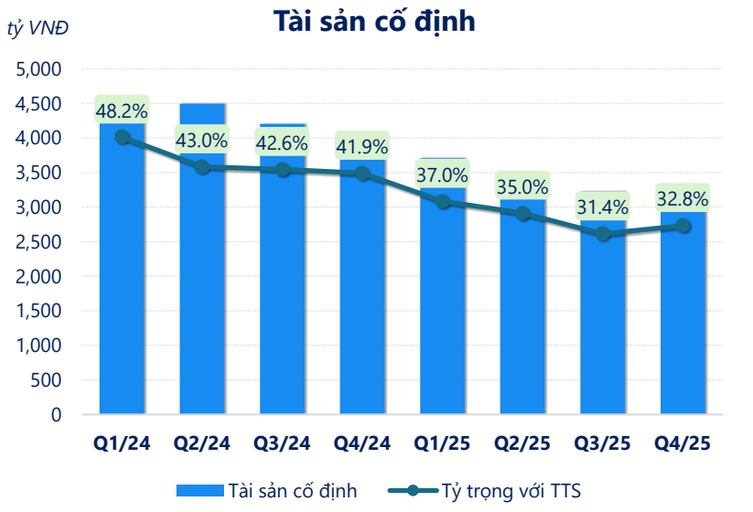
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



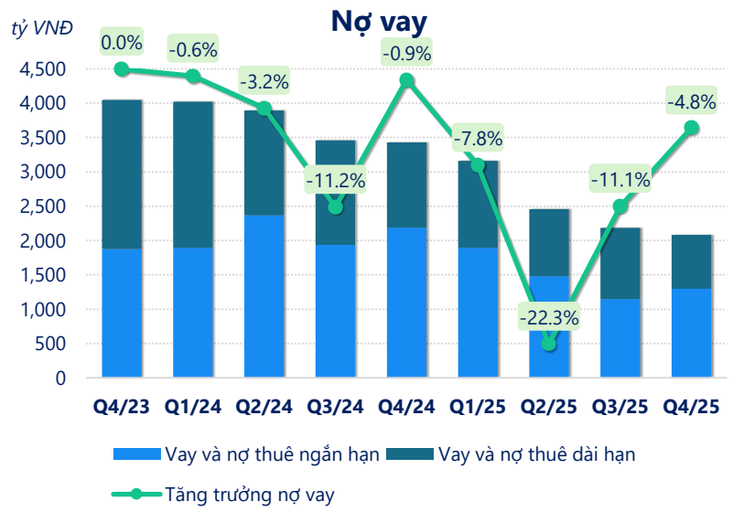
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



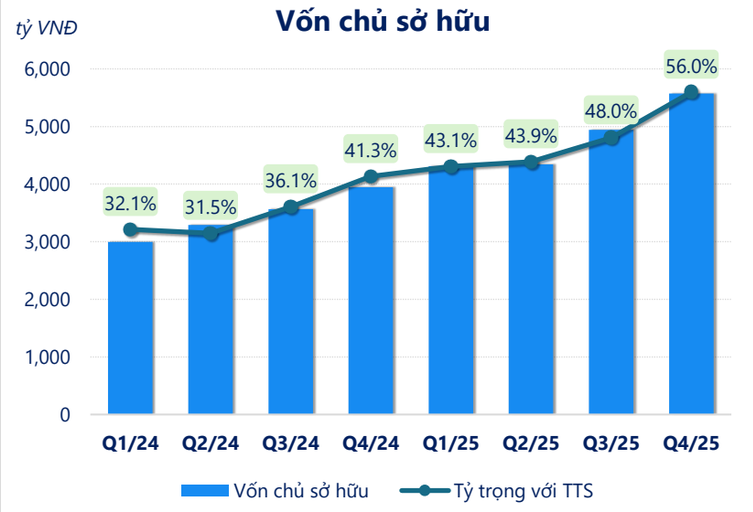
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

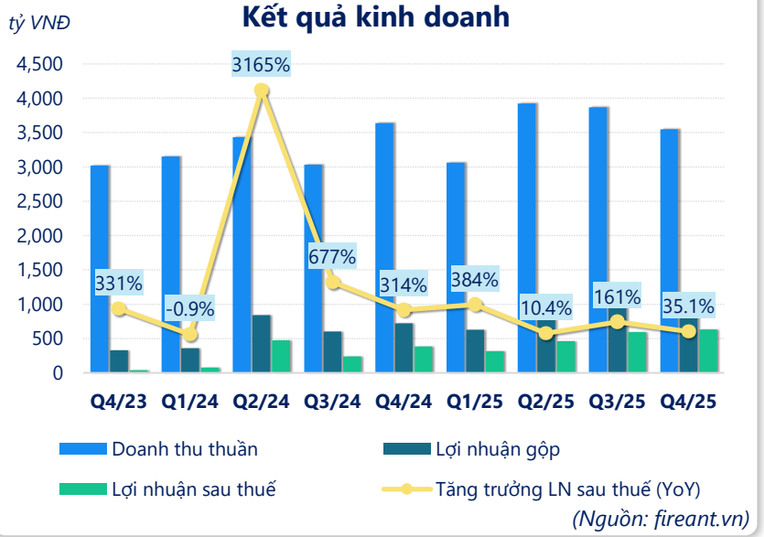


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

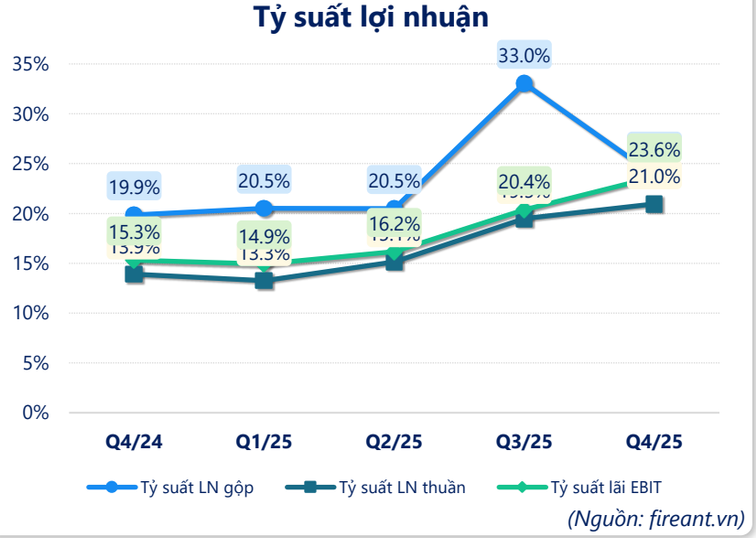
Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP (HNX: KSV)

Kết quả kinh doanh



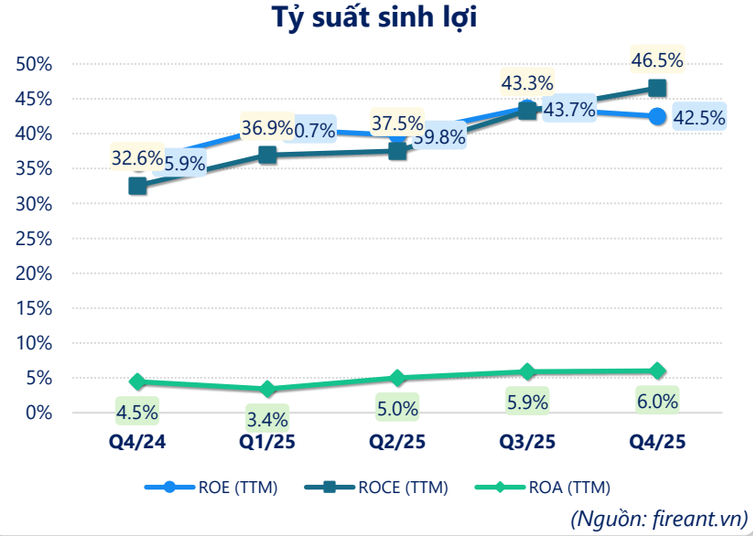
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



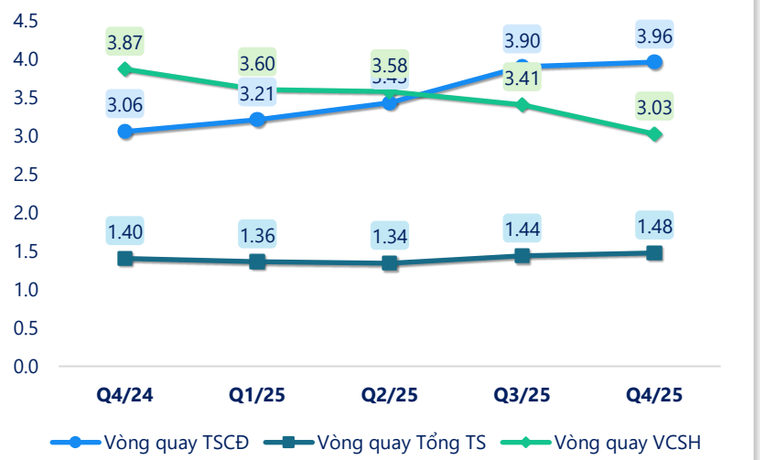
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



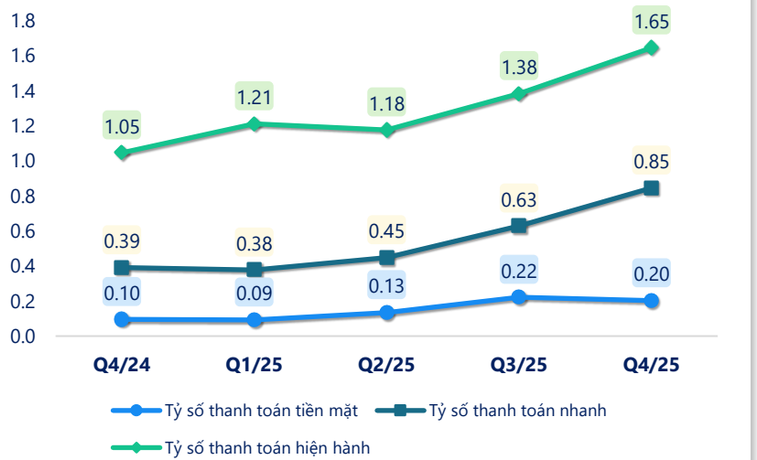
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



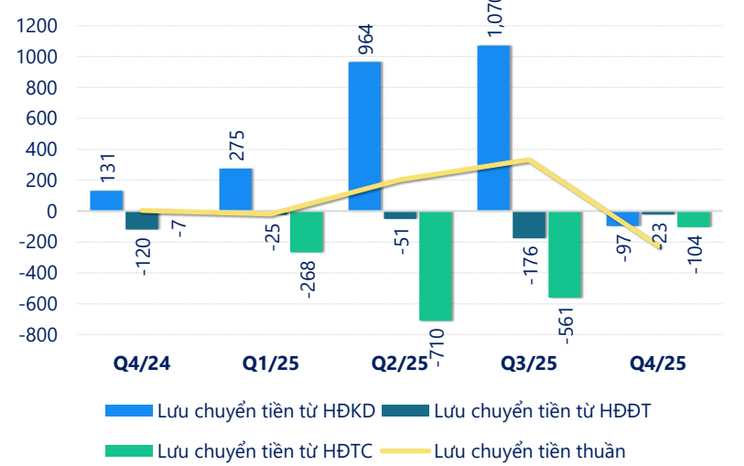
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP (HNX: KSV)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**9,959**	**9,614**	**3.6%**
Tài sản ngắn hạn	5,795	4,570	26.8%
Tiền và tương đương tiền	711	419	69.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	129	47.1	174%
Phải thu ngắn hạn	1,985	1,124	76.7%
Hàng tồn kho	2,817	2,868	-1.8%
Tài sản ngắn hạn khác	153	112	36.4%
Tài sản dài hạn	**4,164**	**5,044**	**-17.5%**
Phải thu dài hạn	133	120	10.8%
Tài sản cố định	3,269	4,001	-18.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	362	332	9.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	46.2	46.2	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**353**	**544**	**-35.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,358	5,603	-22.2%
Nợ ngắn hạn	**3,522**	**4,303**	**-18.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,296	2,186	-40.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,023	1,096	-6.7%
Nợ dài hạn	835	1,300	-35.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	784	1,244	-37.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,601**	**4,011**	**39.7%**
Vốn chủ sở hữu	**5,573**	**3,992**	**39.6%**
Vốn điều lệ	2,000	2,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**28.0**	**18.8**	**48.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	3,636	3,062	3,922	3,868	3,549
Giá vốn hàng bán	2,914	2,434	3,119	2,590	2,703
Lợi nhuận gộp	722	628	803	1,278	846
Doanh thu HĐTC	1.21	1.16	9.34	2.14	7.99
Chi phí TC	64.5	51.7	53.4	39.5	37.9
Chi phí lãi vay	56.8	51.6	47.5	39.5	37.2
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	37.6	29.8	37.3	38.2	45.3
Chi phí QLDN	115	142	128	449	26.7
LN thuần từ HĐKD	506	406	594	754	744
Lợi nhuận khác	-5.71	-0.56	-7.32	-5.36	58.3
LN trước thuế	500	405	587	748	802
Lợi nhuận sau thuế	383	314	459	594	631
LNST của CĐ cty mẹ	422	331	511	595	587

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	131	275	964	1,070	-97.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-120	-25.4	-50.9	-176	-23.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.84	-268	-710	-561	-104
Tiền đầu kỳ	406	419	401	604	936
Lưu chuyển tiền thuần	**3.67**	**-18.3**	**203**	**332**	**-225**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0.00	0
Tiền cuối kỳ	410	401	604	936	711

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic